

Số: 359/2020/QĐST-HNGĐ

G, ngày 05 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Phạm Văn C, Phường MB, quận G, Tp.Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Phạm Văn C, Phường MB, quận G, Tp.Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim L với ông Huỳnh Ngọc Đ là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 ngày 11/05/1990 của Ủy ban nhân phường 14, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 17/04/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/4/2020, bà L và ông Đ thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung, con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Huỳnh Ngọc Đ thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 ngày 11/05/1990 do Ủy ban nhân phường 14, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông Đ, bà L không còn giá trị).

- Về con chung: Có hai con chung là Huỳnh Ngọc Uyên T, sinh năm 1991 và Huỳnh Ngọc Uyên T, sinh năm 1995 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L, ông Đ phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí bà L, ông Đ đã nộp theo biên lai số 0025907 ngày 20/04/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND p14, Q. B,
- Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Q. G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Tô Văn Mạnh**